

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TH HẠ LONG
Chương 622 loại 490 khoản 492
Mã số ĐVQHNS: 1029606

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN
THU - CHI MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN NĂM HỌC 2022 - 2023

Căn cứ Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2905/SGDĐT-KHTC ngày 13/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2022 - 2023.

Căn cứ Công văn số 10677/UBND-GD ngày 04/11/2021 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 6874/UBND ngày 06/9/2022 của UBND thành phố về việc tăng cường công tác quản lý, chống lạm thu đầu năm học 2022 - 2023.

Thực hiện công văn số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân TP Hạ Long "V/v phê duyệt các khoản thu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long năm học 2022-2023;

Trường TH Hạ Long xin Báo cáo quyết toán thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được triển khai tại trường TH Hạ Long năm học 2022-2023 như sau:

STT	Nội dung	Số dư năm học 2021-2022	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Tồn chuyển sang năm học 2023-2024
I	Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục						11.430.097.000	
I	Tổ chức bán trú tại trường					8.007.146.000	8.007.806.000	
a	Quản lý HS trong giờ bán trú (tính BQ hs tháng 5/2023)		Đồng/HS/tháng	132.000đ	1.683	1.727.202.000	1.727.202.000	
a1	Chi lương trực tiếp cho người quản sinh						1.599.964.786	
a2	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						53.370.542	
a3	Kế toán+ thù quỹ						39.322.632	
a4	Thuế 2%						34.544.040	
b	Tiền ăn đặt cơm suất	660.000	Đồng/HS/ngày	22.000đ	1.683	6.279.944.000	6.280.604.000	

STT	Nội dung	Số dư năm học 2021-2022	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Tồn chuyển sang năm học 2023-2024
b1	Tiền ăn đặt cơm suất						6.268.416.000	
b2	Trả lại hs tiền nghỉ ốm		Đồng/HS/ngày	22.000đ	554		12.188.000	
2	Đay tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng anh có sự tham gia của GV nước ngoài		Đồng/HS/giờ dạy	30.000đ	1.511	3.208.740.000	3.208.740.000	
a	<i>78% chi trả cơ sở tiền kết</i>						<i>2.502.817.200</i>	
b	<i>22% chi các nội dung tại trường</i>						<i>705.922.800</i>	
1	Chi trả cho giáo viên trợ giảng						· 217.984.000	
2	Chi Quản lí của Ban giám hiệu						170.300.000	
3	Chi cho giáo viên chủ nhiệm						55.347.500	
4	Kế toán						29.802.500	
5	Tiền vệ sinh lớp học						85.150.000	
6	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biến xanh (1 kg)						13.536.000	
7	Giấy vệ sinh công nghiệp 2 lớp (loại 800Gram)						13.671.000	
8	Nước rửa tay						14.868.000	
9	Giấy khô loại gấu trúc						3.250.000	
10	Điện (473.364đ/8 tiết =473.364đ)						3.760.000	
11	Nước (174.720đ/8 tiết)						1.465.000	
12	Nước uống (147/8tiết/3 bình)						29.592.000	
13	Thuế (Tổng thu)						67.196.800	
	Thuế 2%						64.174.800	
	Phí chuyển tiền +mua hóa đơn điện tử						3.022.000	
	Trả lại tiền thừa phụ huynh HS		Đồng/hs/năm					
3	Tiền nước uống (Học 2 buổi/ngày)		Đồng/HS/tháng	13.000đ	1.825	213.551.000	213.551.000	
	Mua nước uống + nhân công phục nước						177.684.091	
	Trả lại tiền thừa phụ huynh HS		Đồng/hs/năm	1.9654đ	1.825		35.866.909	

STT	Nội dung	Số dư năm học 2021-2022	Đơn vị tính	Mức thu	Số HS tham gia	Tổng thu	Tổng chi	Tồn chuyển sang năm học 2023-2024
II	Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận					803.445.000	803.445.000	
1	Giáo dục kỹ năng sống		Đồng/HS/giờ dạy	15.000đ	1.514	803.445.000	803.445.000	
a	72% chi trả cơ sở liên kết						578.480.400	
b	22% chi các nội dung tại trường						224.964.600	
1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu						85.150.000	
2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm						27.673.750	
3	Kế toán						19.868.333	
4	Tiền vệ sinh lớp học						42.575.000	
5	Giấy vệ sinh công nghiệp 2 lớp (loại 800Gram)						13.671.000	
6	Nước xit nhà vệ sinh VINA Oải Hương loại 280ml						12.180.000	
7	Nước tẩy bồn cầu (Vim) loại 900ml						2.700.000	
8	Điện (268.824đ/4tiết)						2.187.583	
9	Nước (99.008/4 tiết)						742.034	
10	Thuế (Tổng thu)						18.216.900	
	Thuế 2%						16.068.900	
	Mua hóa đơn						2.148.000	
	Tổng cộng						12.233.542.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2023



TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ LONG

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Thu Thủy